

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HƯỚNG DẪN HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ GHI CHÉP BÀI THEO HƯỚNG TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Đinh Thị Thúy Hương

Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành, Đại học Sư phạm Hà Nội, phân hiệu tại Hà Nam

Tóm tắt: Ghi chép là cách thức quan trọng để phát triển khả năng tự học, tinh thần tư duy sáng tạo của người học. Tuy nhiên, việc dạy học các môn khoa học xã hội, đặc biệt là môn Giáo dục công dân hiện nay chưa chú trọng đến việc rèn kỹ năng viết cho học sinh, trong đó có kỹ năng ghi chép bài trên lớp. Nhận được tầm quan trọng của việc ghi bài của học sinh, bài viết chỉ ra thực trạng dẫn đến việc ghi chép của học sinh chưa tốt, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp trong việc hướng dẫn học sinh ghi bài với mong muốn đổi mới cách thức dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Từ khóa: Đổi mới phương pháp; Hình thức ghi bài; Tiếp cận năng lực.

SOME MEASURES TO GUIDE SECONDARY SCHOOL STUDENTS TO TAKE NOTES ACCORDING TO THE COMPETENCE DEVELOPMENT APPROACH

Đinh Thị Thúy Hương

Nguyen Tat Thanh Secondary and High School – Hanoi National University of Education, Ha Nam Campus

Abstract: Taking notes is one of the important ways to develop students' selfstudy ability and creative thinking spirit. However, the teaching of social sciences, especially Civic Education, currently does not pay attention to training students' writing skills, including note taking skills in class. Recognizing the importance of students' note taking, the article points out the current situation leading to poor note taking by students, on that basis, proposing some measures in guiding students to take notes with the desire to innovate teaching and learning methods to improve the quality of training in the direction of developing students' capacity

Keywords: Innovative methods; Recording forms; Competency approach.

Nhận bài: 11/06/2025

Phản biện: 07/07/2025

Duyệt đăng: 11/07/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhấn mạnh: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học...”. Theo đó, trong chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018, môn Giáo dục công dân (GD CD) coi trọng mục tiêu hình thành và phát triển năng lực, trách nhiệm công dân. Hoạt động ghi chép bài trên lớp có thể xem là một hoạt động viết cần chú ý rèn luyện cho học sinh (HS). Hoạt động này bao gồm việc HS ghi chép bài học, xử lý thông tin trong lúc thu nhận được kiến thức, từ lời giảng của giáo viên (GV), kết quả thảo luận, hoạt động của các nhóm khác,... thành kiến thức của riêng mình. Tuy nhiên, hiện nay tình trạng đọc - chép, chiếu - chép, vẫn tồn tại trong các giờ học GD CD. Ngoại trừ một số ít lớp chọn HS có khả năng tự ghi bài, còn lại HS phụ thuộc vào bài ghi/đọc của GV. Điều đó, dẫn đến vở của HS thực chất là một sao chép lại những bài giáo án của GV một cách thụ động và vở ghi của HS hầu như giống nhau. Rõ ràng, kỹ thuật ghi chép là một trong những cách thức quan trọng để phát triển khả năng tự học, tinh thần tư duy sáng tạo của HS nhưng vấn đề này chưa được quan tâm đúng mức.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

Cho đến nay có nhiều khái niệm ghi chép, kỹ năng ghi chép khác nhau. Tác giả Đặng Thành Hưng cho rằng: “kỹ năng là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học - tâm lý khác của cá nhân như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân... để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay quy định”. Các tác giả Levitov N. D. và Platonov K. K. nhìn nhận kỹ năng là kỹ thuật và kết quả hành động trong các mối quan hệ với mục đích, phương tiện, điều kiện cụ thể.... Kỹ năng chỉ được hình thành khi áp dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua một quá trình lặp đi lặp lại một hoặc một nhóm hành động nhất định nào đó một cách hiệu quả, có chủ đích và định hướng rõ ràng. Từ cách định nghĩa đó, chúng ta có thể hiểu: Kỹ thuật ghi chép là tập hợp các phương pháp và kỹ năng được sử dụng để ghi lại thông tin một cách hiệu quả, giúp người ghi nhớ, hiểu và sử dụng thông tin đó sau này.

Khái niệm năng lực, tiếp cận năng lực. Theo Từ điển tiếng Việt thì năng lực có 2 nghĩa chính, một là: “Khả năng, điều kiện chủ quan hoặc điều

kiện tự nhiên sẵn có để thực một hoạt động nào đó”; hai là: “Phẩm chất tâm lý và sinh lý tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao”. Trong lĩnh vực giáo dục, cũng có nhiều định nghĩa khác nhau về năng lực. Nguyễn Thu Hà trong nghiên cứu về “Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực trong giáo dục: Một số vấn đề lý luận cơ bản” đã xem năng lực là sự kết hợp của các khả năng, phẩm chất, thái độ của một cá nhân hoặc tổ chức để thực hiện một nhiệm vụ có hiệu quả. Như vậy, từ những cách hiểu về năng lực như trên, có thể định nghĩa: “Năng lực là sự tích hợp các kiến thức, kỹ năng, khả năng, các đặc tính cá nhân khác (động cơ, tính cách, thái độ, giá trị...) để thực hiện các nhiệm vụ đạt theo chuẩn mực mong đợi trong một bối cảnh cụ thể”. Cách hiểu này thể hiện quan điểm năng lực là một thuộc tính đa chiều bao gồm nhiều thành tố. Nó cũng nêu rõ tính chất tích hợp của năng lực, đồng thời liệt kê cụ thể các thuộc tính con người như kiến thức, kỹ năng, thái độ,.. là những khái niệm thường dùng trong đào tạo, giúp sử dụng năng lực như là chuẩn đầu ra trong đào tạo. Khái niệm năng lực được xem như là đại diện cho những cải cách giáo dục được gọi dưới những cái tên như “giáo dục dựa trên năng lực” hay “giáo dục tiếp cận năng lực. Do đó: “Phương pháp tiếp cận năng lực là hướng tiếp cận tập trung vào đầu ra của quá trình dạy và học, trong đó nhấn mạnh HS cần đạt được các mức năng lực như thế nào sau khi kết thúc một chương trình giáo dục”.

2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng ghi bài của học sinh trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành - Đại học sư

Bảng 1. Nhận định về các nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS ghi chép chưa hiệu quả

Nguyên nhân	Các mức độ ảnh hưởng					Điểm TB
	Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Bình thường	Không ảnh hưởng lắm	Hoàn toàn không ảnh hưởng	
PPGD của GV chưa hiệu quả	2/15	10/15	3/15	0/15	0/15	3,93
Áp lực kiểm tra, thi	1/15	12/15	2/15	0/15	0/15	3,93
Thói quen ghi chép từ cấp học dưới	0/15	13/15	2/15	0/15	0/15	3,87
Học sinh thụ động	1/15	10/15	4/15	0/15	0/15	3,80
Bài học dài	1/15	9/15	5/15	0/15	0/15	3,73
HS chưa có kỹ năng tổng hợp kiến thức	2/15	9/15	4/15	0/15	0/15	3,87

phạm Hà Nội, Phân hiệu Hà Nam

2.2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

Mục tiêu và nội dung khảo sát: Mục tiêu khảo sát nhằm làm rõ thực trạng ghi chép của HS trường THCS và THPT Nguyễn Tất Thành thuộc ĐHSP Hà Nội, Phân hiệu tại Hà Nam với 04 nội dung sau: (1).Nhận thức của GV về sự cần thiết của khả năng tự ghi chép của HS; (2).Nhận thức của GV về những nguyên nhân dẫn đến tình trạng ghi chép của HS chưa tốt; (3).Nhận thức của GV về mức độ thực hiện việc hướng dẫn HS ghi chép; (4).Nhận thức của GV về hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp để cải thiện khả năng ghi chép của HS. Phương pháp khảo sát: Sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi, phương pháp thống kê toán học. Thang đánh giá mức độ khảo sát được tính cho điểm trung bình (ĐTB) như sau: Hiếm khi: $1 \leq \text{ĐTB} < 1.5$; Thỉnh thoảng: $1.5 \leq \text{ĐTB} < 2.5$; Bình thường: $2.5 \leq \text{ĐTB} < 3.5$; Thường xuyên: $3.5 \leq \text{ĐTB} < 4.5$; Rất thường xuyên: $4.5 \leq \text{ĐTB}$

2.2.2. Kết quả khảo sát

Một là, nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc hướng dẫn HS ghi chép 80,2% số ý kiến cho rằng việc hướng dẫn HS ghi chép là rất cần thiết; 20,8% ý kiến cho rằng việc hướng dẫn HS ghi chép là cần thiết. Không có ý kiến nào cho rằng việc hướng dẫn HS ghi chép là không cần thiết. Qua kết quả cho thấy rằng, đa số GV đều đánh giá rất cao tầm quan trọng, sự cần thiết trong việc hướng dẫn HS ghi chép.

Hai là, nhận thức của GV về những nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS ghi chép chưa hiệu quả

Bảng kết quả cho thấy mức đánh giá trung bình của các GV dạy các môn khoa học xã hội về nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS ghi chép bài chưa tốt đạt từ 3,73 đến 3,93 thể hiện mức độ “ảnh hưởng” của các nguyên nhân dẫn đến việc HS ghi chép chưa tốt. Ngoài ra tổng tỉ lệ GV phản hồi lựa chọn ở mức độ “ảnh hưởng” chiếm số lượng cao, ở hầu hết các tiêu chí là từ 09 GV - 13 GV lựa chọn. Đặc biệt, không có GV nào nhận các nguyên nhân được nêu “không ảnh hưởng” và “hoàn toàn không ảnh hưởng”. Do đó, nhìn chung các GV đều nhận thấy nhận thức của GV về nguyên nhân dẫn đến tình trạng HS ghi chép bài chưa tốt trong quá trình học tập là rất chính xác.

Ba là, nhận thức của GV về mức độ thực hiện việc hướng dẫn HS tự ghi chép. Hiện nay, GV vẫn thường soạn sẵn một nội dung ghi bài là những phần kiến thức cô đọng, ngắn gọn của bài học để viết lên bảng hoặc đọc cho HS chép. Phần kiến thức phải đảm bảo tóm gọn được những kiến thức HS cần nhớ, khi về nhà HS sẽ mở vở ra học thuộc, phần kiểm tra sau đó cũng sẽ xoay quanh những nội dung này, có vận dụng, mở rộng, liên hệ. Nhìn chung, cách ghi bài này rất hiệu quả với hướng tiếp cận nội dung mà GV đang giảng dạy trước đây. Tuy nhiên, khi chuyển từ dạy học theo nội dung sang dạy học phát triển năng lực, chúng ta sẽ nhận ra cách ghi bài không còn phù hợp với sách giáo khoa mới và các phương pháp dạy học mới.

Bốn là, nhận thức của GV về hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp hướng dẫn HS ghi chép

Kết quả thống kê cho thấy mức đánh giá trung bình của GV về hiệu quả của việc sử dụng phương pháp hướng dẫn HS ghi chép ở ngưỡng “hiệu quả” với 03 phương pháp: Phương pháp ghi chép theo dàn ý; Ghi bài dưới dạng sơ đồ, bảng biểu; Thiết kế phiếu học tập và ở ngưỡng “bình thường” ở 02 phương pháp: Ghi bài theo phương pháp Cornell; Ghi chép tự do, đây có thể xem là tỉ lệ phù hợp phản ánh đúng thực tế dạy học và áp dụng các phương pháp hướng dẫn HS ghi bài ở các môn khoa học xã hội trong trường phổ thông.

Trong 5 phương pháp được phân loại mức độ hiệu quả cũng có tỉ lệ khác nhau. Cụ thể: Phương pháp thiết kế phiếu học tập có điểm trung bình là 4,20. Điều này cho thấy các thầy cô cho rằng, việc GV thiết kế phiếu học tập dựa trên nội dung bài học giúp HS dễ dàng trong việc điền các thông tin kiến thức nếu có sự chuẩn bị bài đầy đủ. Phương

pháp ghi chép theo dàn ý có điểm trung bình xếp thứ hai là 4,10 đây cũng là tỉ lệ cao. Lí giải cho sự lựa chọn này, tôi thấy hợp lí, thầy cô ghi những ý chính bài dạy lên bảng, và hướng dẫn HS tự ghi nội dung trong từng mục, từng phần. Nội dung ở đây có thể là câu trả lời, ý tưởng của HS; những phát biểu hay của các HS khác trong lớp hoặc là những nội dung mà GV nhấn mạnh để HS lưu ý. Phương pháp hướng dẫn HS ghi bài dưới dạng sơ đồ, bảng biểu có điểm trung bình là 4,00 xếp ở ngưỡng “hiệu quả”. Đây cũng là tỉ lệ cao, tuy nhiên thấp hơn so với hai phương pháp trên. Có thể lí giải rằng, việc hướng dẫn HS ghi chép theo phương pháp này đem lại hiệu quả, tuy nhiên các thầy cô không lạm dụng hình thức này mà khéo léo linh hoạt trong từng nội dung kiến thức để sử dụng. HS có thể sử dụng hình thức này tương đối phù hợp với khả năng tư duy và sự sáng tạo của các em. Với 02 phương pháp: Ghi bài theo phương pháp Cornell; Ghi chép tự do hiệu quả ở mức “Bình thường”. Tuy nhiên, không có GV nào đánh giá đây là các phương pháp ít hiệu quả hoặc không hiệu quả. Lý do GV lựa chọn sự hiệu quả ít hơn ở các phương pháp này vì thực tế để HS có thể tự ghi chép theo phương pháp này đòi hỏi HS phải có năng lực và tư duy tốt, với những HS khá, giỏi hoàn toàn có thể áp dụng và với những HS có học lực thấp hơn có thể cho các em tiếp cận ở một số bài để tránh việc các em thụ động và hoàn toàn dựa vào GV, trên cơ sở đó hiệu quả học tập của đối tượng HS này cũng tốt hơn.

2.2.3. Những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong kỹ năng ghi chép của HS

Việc ghi chép là của HS nhưng kỹ năng ghi chép của HS còn chưa tốt nguyên nhân sâu xa lại là do chính GV tạo ra. Vì vậy, khi nhìn nhận về những nguyên nhân của thực trạng này, phải bắt đầu từ vấn đề PPDH của GV. Về phía GV: Trước hết là, áp lực về thành tích thi cử. Sự chậm trễ đổi mới kiểm tra đánh giá đã kéo giạt lùi quá trình đổi mới PPDH, GV e ngại không dám cởi trói lối tư duy dạy học cũ mòn. Kế hoạch bài dạy cũng phải bám vào tài liệu chuẩn để dạy. Ít có GV nào can đảm để HS tự học theo những gì HS thu hoạch được qua bài học để viết vào bài kiểm tra. Vấn đề thành tích, điểm số đè nặng khiến GV không thể mạnh dạn tạo điều kiện cho HS phát huy tính chủ động tích cực trong giờ học.

Ngoài ra, một nguyên nhân vấn đề PPDH của

GV. Vì lý do thời gian tiết học hạn chế, vì ngại thay đổi kế hoạch bài học nên một số GV vẫn trung thành với kiểu dạy học truyền đạt, áp đặt kiến thức cho HS. Một giờ đọc hiểu theo kiểu đọc chép đơn giản hơn rất nhiều so với một giờ học có nhiều hoạt động học tập được tổ chức phong phú sinh động. Chính vì sự ngại khó ngại khổ đó mà GV không muốn thay đổi thói quen dạy học của mình. Một đối tượng GV khác rất có ý thức và tâm huyết muốn thay đổi PPDH nhưng lại thiếu kinh nghiệm trong việc hướng dẫn HS ghi chép bài. Càng tổ chức những hoạt động dạy học phong phú thì càng khó để dẫn dắt HS quay trở lại với việc ghi chép kiến thức một cách kịp thời và hiệu quả. Một vài GV có ý thức muốn thay đổi điều này. Họ muốn HS phải chủ động hơn với bài học của mình bằng cách tập cho HS tự ghi chép những nội dung bài học, những đơn vị kiến thức đơn giản. Tuy nhiên, vì không chú ý đến cách thức hướng dẫn nên tất cả cũng chỉ dừng lại ở việc thử nghiệm, thay đổi không khí tiết học cho bớt nhàm chán chứ không phải là sự đầu tư thay đổi toàn diện về PPDH.

Về phía HS: Một là, thái độ và kỹ năng tự học của HS chưa tốt. Hai là, HS không có khả năng tổng hợp kiến thức và chuyển hóa kiến thức thành lời văn của mình. Ngoài nguyên nhân là do chính năng lực của HS còn nhiều hạn chế cũng phải thấy trách nhiệm này thuộc về GV khi không có chủ ý uốn nắn, rèn luyện cho các em ngay từ khi bắt đầu thay đổi phương pháp từ những lớp nhỏ.

Nhìn chung, cả GV và HS đều có trách nhiệm trong việc để cho tình trạng đọc chép kéo dài trong suốt những năm đổi mới PPDH. Cần phải thấy rằng tất cả bắt nguồn từ chính tư duy và cách thức tổ chức giờ học của GV. Trước khi đổ lỗi tại do năng lực của HS, GV nên tự nhận trách nhiệm về phía mình, từ đó dần dần thay đổi, làm cho HS ngày càng hứng thú với vai trò chủ động chiếm lĩnh kiến thức.

2.3. Đề xuất một số biện pháp hướng dẫn HS ghi chép bài trong bối cảnh HS học chương trình môn GD&CD mới

Thứ nhất, thiết kế phiếu học tập là một phương pháp hiệu quả nhằm hỗ trợ học sinh ghi bài sáng tạo và chủ động hơn. Giáo viên có thể chuyển hóa nội dung và yêu cầu trong sách giáo khoa thành những mẫu phiếu học tập đa dạng, sinh động, phù

hợp với nội dung bài học. Những phiếu này không chỉ thay thế việc ghi chép truyền thống trong vở mà còn tạo điều kiện để học sinh thảo luận nhóm, trình bày kiến thức và thuyết trình trước lớp, qua đó phát triển tư duy và kỹ năng hợp tác.

Thứ hai, ghi bài theo dàn ý giúp học sinh sắp xếp thông tin một cách logic, dễ nhớ và dễ tra cứu. Học sinh sử dụng các ký tự để phân biệt ý chính và ý phụ, từ đó hình thành một hệ thống luận điểm rõ ràng. Trình tự thực hiện gồm ba bước: ghi tiêu đề hoặc ý chính; ghi các ý phụ, khái niệm quan trọng; cuối cùng là bổ sung các ý chi tiết cho từng mục. Phương pháp này có thể được áp dụng linh hoạt trong lớp, khi tự học, đọc sách hoặc ôn bài, và giúp học sinh phát triển khả năng tư duy hệ thống.

Thứ ba, phương pháp ghi bài theo mô hình Cornell là một công cụ tổ chức ghi chép khoa học và sáng tạo. Học sinh chia trang giấy thành các phần cụ thể, với phần ghi bài (NOTES) để chép kiến thức chính, phần gợi ý (CUE) để đặt câu hỏi hoặc ghi chú bổ sung, và phần tổng kết (SUMMARY) ở cuối để tóm tắt bài học. Phương pháp này không chỉ hỗ trợ ghi nhớ hiệu quả mà còn thúc đẩy học sinh chủ động đặt câu hỏi và suy ngẫm về nội dung đã học.

Thứ tư, ghi bài bằng sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh là một hình thức trực quan, giúp học sinh dễ hiểu và ghi nhớ kiến thức lâu hơn. Sơ đồ tư duy, đặc biệt, giúp học sinh tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức từ những bài tập chuẩn bị trước ở nhà và phát triển trên lớp. Quy trình thực hiện gồm: chuẩn bị giấy và bút màu, ghi chủ đề ở giữa trang, phát triển các nhánh phụ với từ khóa ngắn gọn, và sử dụng màu sắc khác nhau cho từng nhánh. Phương pháp này khuyến khích sự sáng tạo, trình bày khoa học và kỹ năng liên kết thông tin của học sinh.

Thứ năm, ghi bài tự do được áp dụng khi cần khuyến khích học sinh động não, đưa ra ý tưởng cá nhân. Không cần tuân theo một trật tự cố định, học sinh được khuyến khích ghi lại bất kỳ ý tưởng nào xuất hiện trong quá trình học tập, dưới nhiều hình thức như từ khóa, cụm từ, sơ đồ hoặc hình vẽ. Giáo viên có thể gợi ý học sinh chữa chỗ trống để sau đó bổ sung hoặc phát triển tiếp ý tưởng. Phương pháp này giúp học sinh rèn luyện khả năng phát hiện, kết nối và giải quyết vấn đề sáng tạo hơn.

III. KẾT LUẬN

Để HS có thể ghi chép tốt, GV cần xác định mục tiêu dạy học đúng đắn, có sự chuẩn bị chu đáo về PPDH, hệ thống câu hỏi và các hình thức tổ chức dạy học. GV cần hiểu đúng bản chất của hoạt động ghi chép bài học trên lớp để thấy được hết ý nghĩa của việc hướng dẫn HS cách ghi chép đúng phương pháp. Ghi chép không có nghĩa chỉ là tái hiện lại những nội dung của tiết học mà bao gồm trong đó nhiều năng lực của HS. Đó là sự tổng hợp năng lực đọc, viết, nghe, nói, năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, năng lực cảm thực

văn chương. Có thể nhiều HS không thể ghi chép được gì trong tiết đầu tiên, nhưng đã dần tiến bộ hơn trong những lần ghi chép sau. Điều đó cho thấy, trong mỗi HS đều có những năng lực cần được khám phá và khơi dậy khi cần thiết. Những nỗ lực của GV trong việc hướng dẫn HS ghi chép có phương pháp một mặt thể hiện sự coi trọng vai trò chủ thể và cá tính sáng tạo của người học, giúp GV tiếp cận gần hơn với mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp của HS, góp phần chuẩn bị cơ sở cho việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục mới trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thành Hưng (2013), *Kỹ năng dạy học và tiêu chí đánh giá*, Tạp chí Khoa học giáo dục (88), tr. 5-9.
2. Levitov H. D. (1963), *Tâm lý học lao động*, Nxb. Matxcova.
3. Platonov K. K. (1963), *Về tri thức, kỹ xảo và kỹ năng (bản dịch tiếng Nga)*, Tạp chí Khoa học Xô Viết, số 11.
4. Hoàng Phê (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn GDCD (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.